

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử theo thủ tục rút gọn công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 671/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Minh L, sinh năm 1982, CCCD 075082017239. Nơi thường trú: số nhà A đường B, Quốc lộ A, khu phố X, phường H, Thành phố Đ.

- Bị đơn: Chị Bùi Ngọc H, sinh năm 1984, CCCD 075184011265. Địa chỉ: số nhà A đường B, Quốc lộ A, khu phố X, phường H, Thành phố Đ.

(Anh Hà Minh L, chị Bùi Ngọc H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là anh Hà Minh L trình bày:*

Anh Hà Minh L và chị Bùi Ngọc H tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và đăng ký kết hôn số 04/2015 quyền số 01/2015 ngày 13/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, Thành phố Đ). Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên bất hòa. Tuy nhiên, đầu năm 2025, chị H tự ý bỏ nhà đi, từ đó đến nay chị H không thăm nom chăm sóc con chung. Nay nhận thấy không thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống, anh Hà Minh L yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Ngọc H.

Về con chung: Theo anh Hà Minh L trình bày, anh chị có 02 con chung là Hà Anh K, sinh ngày 15/9/2015 và Hà Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/ 01 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh Hà Minh L trình bày, anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

** Theo bản tự khai, Bị đơn chị Bùi Ngọc H trình bày:*

Chị Bùi Ngọc H thống nhất với lời trình bày của anh Hà Minh L về thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng, nay anh Hà Minh L yêu cầu ly hôn chị Bùi Ngọc H đồng ý.

Về con chung: Chị Bùi Ngọc H thống nhất với lời trình bày của anh Hà Minh L, anh chị có 02 con chung là Hà Anh K, sinh ngày 15/9/2015 và Hà Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn, chị H đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tạm thời, chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/01 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Ngọc H thống nhất với lời trình bày của anh Hà Minh L, anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh Hà Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Ngọc H. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Bùi Ngọc H có nơi cư trú tại địa chỉ số nhà A đường B, Quốc lộ A, khu phố X, phường H, Thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết: Vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Hà Minh L, chị Bùi Ngọc H có yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến trình bày rõ ràng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Minh L, chị Bùi Ngọc H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Minh L và chị Bùi Ngọc H tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và đăng ký kết hôn số 04/2015 quyền số 01/2015 ngày 13/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, Thành phố Đ) nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh L và chị H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị H đã dọn ra sống riêng và xác định tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn. Chị H thống nhất với lời trình bày của anh L về quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L và chị H đã phát sinh trong thời gian dài, đời sống chung không hạnh phúc, cả hai đều xác định không còn tình cảm và chị H đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Minh L.

[2.2] Về con chung: Anh Hà Minh L và chị Bùi Ngọc H có 02 con chung là cháu H1, sinh ngày 15/9/2015 và Hà Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn, anh L và chị H thống nhất giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo việc phát triển mọi mặt cho con chung nên ghi nhận. Tạm thời, chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/01 cháu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hà Minh L và chị Bùi Ngọc H cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Hà Minh L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh Hà Minh L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 điều 317 và 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hà Minh L về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn chị Bùi Ngọc H

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Minh L được ly hôn với chị Bùi Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 15/9/2015 và Hà Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/02/2019 cho anh Hà Minh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H cấp dưỡng 02 nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/01 cháu.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến ngày thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Ngọc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở; vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Minh L phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001896 ngày 27/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Hoàn trả cho anh Hà Minh L số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Hàng Gòn (GCNKH số: 04/2015, quyền số 01/2015 ngày 13/01/2015 để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Cường